



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trần Tuấn Nghĩa	Thành viên
Ông Yokoyama Norio	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 01 năm 2011)
Ông Kyu Eikan	Thành viên
Ông Aizawa Motoya	Thành viên
Ông Hiramoto Hiroshi	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 01 năm 2011)
Bà Nguyễn Thị Hồng Hà	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hiramoto Hiroshi	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2010)
Ông Chu Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hiramoto Hiroshi
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2012

Số: 1021 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 03 đến trang 20. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 27 tháng 01 năm 2011 nêu ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trần Thị Thủy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 3 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0910/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		45.081.536.375	39.593.893.413
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	42.854.745.857	36.026.343.906
1. Tiền	111		6.854.745.857	741.343.906
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.000.000.000	35.285.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	67.940.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	67.940.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.636.011.604	3.026.277.999
1. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1.004.300	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6	1.171.637.345	2.584.270.967
3. Các khoản phải thu khác	138		463.369.959	442.007.032
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		590.778.914	473.331.508
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		504.665.414	387.218.008
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		86.113.500	86.113.500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		1.968.017.960	3.484.513.638
I. Tài sản cố định	220		1.674.562.568	3.274.464.642
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.338.118.922	2.375.587.092
- Nguyên giá	222		3.715.670.441	3.704.910.441
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.377.551.519)	(1.329.323.349)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	336.443.646	898.877.550
- Nguyên giá	228		1.687.774.220	1.687.774.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.351.330.574)	(788.896.670)
II. Tài sản dài hạn khác	260		293.455.392	210.048.996
1. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	9	225.431.004	142.024.608
2. Tài sản dài hạn khác	268		68.024.388	68.024.388
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		47.049.554.335	43.078.407.051

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		4.209.459.857	1.442.818.616
I. Nợ ngắn hạn	310		4.209.459.857	1.442.818.616
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	221.687.137	417.083.988
2. Phải trả người lao động	315		107.049.242	23.475.000
3. Chi phí phải trả	316		666.684.633	846.216.188
4. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		3.208.252.423	32.768.000
5. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		1.941.000	7.225.885
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328		3.845.422	116.049.555
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		42.840.094.478	41.635.588.435
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	42.840.094.478	41.635.588.435
1. Vốn điều lệ	411		41.000.000.000	41.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		109.366	1.385.318
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		31.710.151	31.710.151
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		31.710.151	31.710.151
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.776.564.810	570.782.815
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		47.049.554.335	43.078.407.051

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Số 2, đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	31/12/2011	31/12/2010
6. Chứng khoán lưu ký	006	123.375.810.000	50.834.290.000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	118.991.180.000	43.660.580.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	71.978.570.000	28.316.730.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	47.012.610.000	15.343.850.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	175.400.000	221.560.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	175.400.000	221.560.000
6.3 Chứng khoán chờ thanh toán	027	3.750.900.000	6.932.300.000
6.3.1 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	3.722.100.000	6.578.300.000
6.3.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	28.800.000	354.000.000
6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	458.330.000	19.850.000
6.4.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034	8.860.000	16.200.000
6.4.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035	449.470.000	3.650.000
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	913.200.000	5.391.600.000
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	913.200.000	5.341.600.000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	913.200.000	5.341.600.000
7.2 Chứng khoán chờ thanh toán	071	-	50.000.000
7.2.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	-	50.000.000



Hiramoto Hiroshi
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2012

Đoàn Thị Hồng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu	01		14.655.629.942	15.831.345.153
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		7.127.766.192	11.201.774.726
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		1.540.542.910	861.911.793
Doanh thu khác	01.9	12	5.987.320.840	3.767.658.634
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01)	10		14.655.629.942	15.831.345.153
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	13	8.846.542.900	7.887.088.386
4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		5.809.087.042	7.944.256.767
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.708.345.896	4.695.058.154
6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		1.100.741.146	3.249.198.613
7. Thu nhập khác	31		506.968.178	265.909.090
8. Chi phí khác	32		-	-
9. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		506.968.178	265.909.090
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.607.709.324	3.515.107.703
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	51	14	401.927.329	211.401.031
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.205.781.995	3.303.706.672
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	15	294	806



Hiramoto Hiroshi
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2012

Đoàn Thị Hồng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.607.709.324	3.515.107.703
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.610.662.074	1.435.001.645
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.843.035.886)	(3.709.835.636)
3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.624.664.488)	1.240.273.712
Giảm các khoản phải thu	09	1.458.206.395	9.924.685.813
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay đã trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.848.060.502	607.515.809
(Tăng) chi phí trả trước	12	(200.853.802)	(192.144.844)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(483.346.590)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(108.138.108)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	997.402.017	11.472.192.382
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(10.760.000)	(1.559.506.649)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.843.035.886	3.353.514.511
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.832.275.886	1.794.007.862
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	6.829.677.903	13.266.200.244
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	36.026.343.906	22.760.143.662
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.275.952)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	42.854.745.857	36.026.343.906



Hiramoto Hiroshi
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2012

Đoàn Thị Hồng
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
Số 2, đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 05-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Số dư tại		Số tăng/(giảm)				Số dư tại	
	01/01/2010	01/01/2011		2010		2011	31/12/2010	31/12/2011
			Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)		
1. Vốn điều lệ	41.000.000.000	41.000.000.000	-	-	-	-	41.000.000.000	41.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	-	31.710.151	31.710.151	-	-	-	31.710.151	31.710.151
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	31.710.151	31.710.151	-	-	-	31.710.151	31.710.151
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.385.318	1.385.318	-	-	(1.275.952)	1.385.318	109.366
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(2.669.503.555)	570.782.815	3.303.706.672	(63.420.302)	1.205.781.995	-	570.782.815	1.776.564.810
Tổng cộng	38.330.496.445	41.635.588.435	3.368.512.292	(63.420.302)	1.205.781.995	(1.275.952)	41.635.588.435	42.840.094.478



Hiramoto Hiroshi
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2012

Đoàn Thị Hồng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (gọi tắt là “Công ty”) (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 103/UBCK-GP ngày 16 tháng 01 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 41.000.000.000 VND.

Ngày 11 tháng 03 năm 2010, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 310/UBCK-GP, cho phép Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản.

Ngày 21 tháng 01 năm 2011, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 05/GPĐK-UBCK, cho phép thay đổi Tổng Giám đốc mới kiêm người đại diện trước pháp luật là ông Hiramoto Hiroshi.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 27 người (31 tháng 12 năm 2010: 40 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm về phân loại và trình bày, sửa đổi mã số và cơ sở lấy dữ liệu để lập một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Công ty bắt đầu thực hiện áp dụng Thông tư này cho việc lập các báo cáo tài chính trong năm 2011.

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Doanh thu

Hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

Thu nhập lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011 (Số năm)
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Phần mềm máy vi tính**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm vi tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền gửi Ngân hàng	6.854.745.857	741.343.906
Trong đó:		
- Tiền gửi của Công ty chứng khoán	3.646.493.434	708.575.906
- Tiền gửi của Nhà đầu tư	3.208.252.423	32.768.000
Các khoản tương đương tiền (*)	36.000.000.000	35.285.000.000
	42.854.745.857	36.026.343.906

(*) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Kỳ hạn	Lãi suất	Số tiền (VND)
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cầu Giấy	1 tháng	14%	14.500.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành	2 tháng	14%	400.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	1 tháng	14%	15.700.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	1 tuần	6%	500.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1 tháng	14%	4.900.000.000
			36.000.000.000

6. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	943.442.193	2.224.120.817
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán với khách hàng	228.195.152	360.150.150
	1.171.637.345	2.584.270.967

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	2.569.095.792	1.135.814.649	3.704.910.441
Tăng trong năm	10.760.000	-	10.760.000
Tại ngày 31/12/2011	<u>2.579.855.792</u>	<u>1.135.814.649</u>	<u>3.715.670.441</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	1.266.001.031	63.322.318	1.329.323.349
Khấu hao trong năm	858.925.734	189.302.436	1.048.228.170
Tại ngày 31/12/2011	<u>2.124.926.765</u>	<u>252.624.754</u>	<u>2.377.551.519</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	<u>454.929.027</u>	<u>883.189.895</u>	<u>1.338.118.922</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.303.094.761</u>	<u>1.072.492.331</u>	<u>2.375.587.092</u>

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Khác	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	1.495.502.400	192.271.820	1.687.774.220
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.495.502.400</u>	<u>192.271.820</u>	<u>1.687.774.220</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	707.185.546	81.711.124	788.896.670
Khấu hao trong năm	498.385.428	64.048.476	562.433.904
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.205.570.974</u>	<u>145.759.600</u>	<u>1.351.330.574</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	<u>289.931.426</u>	<u>46.512.220</u>	<u>336.443.646</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>788.316.854</u>	<u>110.560.696</u>	<u>898.877.550</u>

9. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 22 tháng 4 năm 2010 và Quyết định số 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120.000.000 đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	5.179.494	9.390.739
Thuế thu nhập doanh nghiệp	129.981.770	211.401.031
Thuế giá trị gia tăng	86.525.873	196.292.218
	221.687.137	417.083.988

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	41.000.000.000	-	-	-	(2.669.503.555)	38.330.496.445
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.303.706.672	3.303.706.672
Trích lập các quỹ	-	31.710.151	31.710.151	-	(63.420.302)	-
Tăng khác	-	-	-	1.385.318	-	1.385.318
Tại ngày 01/01/2011	41.000.000.000	31.710.151	31.710.151	1.385.318	570.782.815	41.635.588.435
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.205.781.995	1.205.781.995
Giảm khác	-	-	-	(1.275.952)	-	(1.275.952)
Tại ngày 31/12/2011	41.000.000.000	31.710.151	31.710.151	109.366	1.776.564.810	42.840.094.478

Theo Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01 tháng 02 năm 2000 của Bộ Tài chính, các công ty chứng khoán phải trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự trữ bắt buộc theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế cho mỗi quỹ cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ bằng tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Theo Giấy phép kinh doanh		Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Cổ đông				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	4.100.000.000	10,00%	4.100.000.000	10,00%
Công ty Chứng khoán Aizawa	5.945.000.000	14,50%	5.945.000.000	14,50%
Japan Asia Holdings Limited	5.945.000.000	14,50%	5.945.000.000	14,50%
Công ty TNHH Đầu tư Tanmark	8.200.000.000	20,00%	8.200.000.000	20,00%
Các cổ đông khác	16.810.000.000	41,00%	16.810.000.000	41,00%
	41.000.000.000	100,00%	41.000.000.000	100,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. DOANH THU KHÁC

	2011	2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.843.035.886	3.709.835.636
Các khoản khác	144.284.954	57.822.998
	5.987.320.840	3.767.658.634

13. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2011	2010
	VND	VND
Chi phí môi giới	739.475.076	950.559.574
Lương và các chi phí liên quan	3.781.526.247	2.838.138.839
Chi phí khấu hao phân bổ	1.153.525.728	1.109.566.091
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.172.015.849	2.988.823.882
	8.846.542.900	7.887.088.386

14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2011	2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	1.607.709.324	3.515.107.703
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	(2.669.503.579)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(1.385.342)
Chuyển lỗ từ năm 2009	-	(2.668.118.237)
Thu nhập chịu thuế	1.607.709.324	845.604.124
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	401.927.329	211.401.031

15. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành, được tính như sau:

	Đơn vị	2011	2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	1.205.781.995	3.303.706.672
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	Cổ phiếu	4.100.000	4.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	294	806

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	834.911.208	1.103.773.464
	834.911.208	1.103.773.464

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng của Công ty theo Hợp đồng thuê văn phòng số 2011/NXK-CKNB/HĐTMB ngày 24 tháng 3 năm 2011 và Phụ lục hợp đồng ký ngày 03 tháng 10 năm 2011 được ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera với thời hạn 1 năm tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2011.

17. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	2011	
	Khối lượng giao dịch	Giá trị giao dịch
		VND
Chứng khoán của nhà đầu tư	110.033.750	2.140.023.683.000
Cổ phiếu	109.792.800	2.138.889.458.000
Chứng chỉ quỹ	240.950	1.134.225.000
	110.033.750	2.140.023.683.000

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.854.745.857	36.026.343.906
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.635.007.304	3.026.277.999
Tổng cộng	44.489.753.161	39.052.621.905
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	5.786.422	123.275.440
Chi phí phải trả	666.684.633	846.216.188
Tổng cộng	672.471.055	969.491.628

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	6.602.048	6.297.280
Yên Nhật (JPY)	68.296.913	81.828.901

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
31/12/2011	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.635.007.304	-	1.635.007.304
31/12/2010	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.026.277.999	-	3.026.277.999

19. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2011	2010
	VND	VND
Phí môi giới chứng khoán		
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	312.753.000	7.336.538.475
Công ty TNHH Chứng khoán Aizawa	1.268.728.305	1.838.312.948
Phí dịch vụ cung cấp thông tin		
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	200.400.000	100.546.413
	2011	2010
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	395.352.000	345.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản phải thu khác		
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	27.318.000	104.692.686
Công ty TNHH Chứng khoán Aizawa	118.015.296	178.103.124

20. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.



Hiramoto Hiroshi
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2012

Đoàn Thị Hồng
Kế toán trưởng